

Pháp luật tư sản



LỜI NÓI ĐẦU

Cuộc cách mạng tư sản đã mở đầu lịch sử thế giới cận đại bằng hàng loạt các cuộc cách mạng lớn như ở Anh, Pháp, Hoa kì ... và có ảnh hưởng lớn đến tiến trình lịch sử của thế giới. Sự ra đời nhà nước tư sản là hệ quả tất yếu của quá trình phát triển phương thức tư bản chủ nghĩa và song song với nó là sự ra đời của pháp luật tư sản.

Có thể nói sự ra đời của pháp luật tư sản đã đánh dấu một bước ngoặt lớn trong lịch sử lập pháp của lịch sử nhân loại. Từ đây loài người được biết đến một bản hiến pháp, trong đó quy định những quyền và tự do của công dân mà trước đây chưa bao giờ dám nghĩ đến.

Rất nhiều tư tưởng tiến bộ xuất phát từ những ngày đầu hình thành nên pháp luật tư sản vẫn còn giữ nguyên giá trị và không ngừng thúc đẩy sự phát triển xã hội. Trong xã hội hiện đại và phát triển ngày nay, chúng ta sẽ tiếp tục phát huy những mặt mạnh và loại trừ những mặt yếu của nó, góp phần làm nên một thế giới hoà bình, sự phát triển bền vững và đảm bảo “mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng, tự do và mưu cầu hạnh phúc...” như trong bản hiến pháp nước Mỹ năm 1787.

Tiểu luận

Ngay từ khi nhà nước tư sản được thành lập, hàng loạt các chế định của pháp luật tư sản cũng được ra đời, đó là phương tiện để bảo vệ chế độ tư hữu tư bản, địa vị cũng như quyền lợi của giai cấp tư sản.

So với pháp luật phong kiến thì pháp luật tư sản đã có những tiến bộ vượt bậc về nội dung và kỹ thuật lập pháp, cách thức quy định, ban bố và thi hành lẫn việc pháp điển hoá và phân loại. Chúng ta có thể nhìn nhận những tiến bộ của pháp luật tư sản dưới các góc độ sau đây:

1. Hình thức biểu hiện

Pháp luật tư sản biểu hiện chủ yếu dưới luật thành văn, được ghi trong các văn bản pháp luật một cách rõ ràng. Các loại văn bản pháp luật tư sản cũng hết sức phong phú, điển hình nhất cần phải kể đến là hiến pháp, luật, các sắc lệnh và nghị định trong khi đó hình thức phổ biến của pháp luật phong kiến là tập quán pháp và được ban hành dưới dạng lệnh, chiếu chỉ, khẩu lệnh... của nhà vua.

Nếu như luật pháp phong kiến là sự kết hợp của Lễ và Hình, sự kết hợp giữa Đức trị với Pháp trị và hoà đồng giữa quy phạm pháp luật với quy phạm đạo đức thì pháp luật tư sản chủ yếu là các đạo luật và luật. Giai cấp tư sản không cho rằng việc dùng đạo đức để răn đe, giáo huấn là có hiệu quả hơn pháp trị.

2. Nguồn luật

Pháp luật tư sản giai đoạn tư bản tự do cạnh tranh gồm có hai hệ thống pháp luật: Thứ nhất là hệ thống pháp luật lục địa gồm pháp luật của Pháp, của các nước tư bản ở lục địa châu Âu và các nước thuộc địa của Pháp và thứ hai là hệ thống pháp luật Anh- Mỹ và các nước thuộc địa của hai nước này như Úc, Canada... Nếu như nguồn luật chủ yếu của hệ thống pháp luật lục địa là các bộ luật mới được xây dựng thì nguồn luật chủ yếu của hệ thống

Tiểu luận

pháp luật Anh- Mỹ là tiền lệ pháp và các bộ luật kế thừa từ pháp luật phong kiến.

Việc hệ thống hóa luật lệ ở Anh, Mỹ, Úc, có độ chính xác cao và rất khoa học, được sắp xếp theo một trình tự đặc biệt.

Pháp luật tư sản Pháp và điển hình là bộ luật Napôlêông là đại diện tiêu biểu cho sự tiến bộ trong lịch sử lập pháp. Cuộc cách mạng tư sản Pháp là sự chống phong kiến một cách triệt để nên điều đầu tiên là pháp luật xoá bỏ các quan hệ phong kiến. Từ đây dân chúng có quyền tự do kinh doanh, quyền tự do trong hôn nhân, cho phép ly hôn...

3. Cách thức phân loại

Giai cấp tư sản phân loại pháp luật thành hai ngành lớn: ***công pháp và tư pháp***. Ngành công pháp bao gồm Luật hiến pháp, luật hành chính, luật hình sự, luật tố tụng hình sự... Ngành tư pháp bao gồm: luật dân sự, luật tố tụng dân sự, luật lao động, luật thương mại, tư pháp quốc tế...

4. Pháp điển hoá

Việc pháp điển hoá ở Pháp đã trở thành mẫu mực cho pháp luật tư sản, những bộ luật đã được xây dựng với kỹ thuật lập pháp cao và rất đa dạng như bộ luật dân sự 1804, bộ luật hình sự 1810, bộ luật thương mại 1807...

Các chế định trong mỗi bộ luật được trình bày một cách lôgic, rõ ràng và được sắp xếp theo từng chế định cụ thể. Chẳng hạn như trong bộ luật dân sự, các chương, các điều, các quy phạm pháp luật được sắp xếp theo từng chế định của dân luật, bộ luật cũng nêu đầy đủ và diễn đạt chuẩn xác các nguyên tắc của dân luật, các khái niệm pháp lý được định nghĩa ngắn gọn, chuẩn xác, ngôn ngữ của bộ luật trong sáng dễ hiểu.

5. Sự ra đời của hiến pháp

5.1. Hiến pháp - đạo luật cơ bản của nhà nước tư sản

Tiểu luận

Sự ra đời của hiến pháp trong xã hội tư sản đánh dấu một tiến bộ lớn lao trong lịch sử lập pháp, là đạo luật cơ bản của nhà nước tư sản. Ngành luật hiến pháp chỉ mới có từ khi nhà nước tư sản ra đời. Từ trước đến nay nhà nước ở chế độ chiếm hữu nô lệ và chế độ phong kiến không hề biết đến hiến pháp và không thể có hiến pháp bởi vì trong các chế độ đó quyền lực của nhà vua là vô hạn. Trong xã hội phong kiến chuyên chế, nhà nước nắm trong tay quyền lực nhà nước do trời ban và “ thay trời trị vì thiên hạ” với những quyền hành không giới hạn. Trong xã hội tồn tại một nền thống trị hà khắc tùy tiện. Điều đó có nghĩa rằng nhà nước phong kiến đương nhiên không có và cũng không cần thiết đến một bản hiến pháp quy định tổ chức quyền lực nhà nước.

Bản chất phản nhân dân của nền chuyên chính phong kiến ngày càng tăng dẫn đến sự bất bình và các cuộc chống đối của các giai cấp bị bóc lột, áp bức.

Giai cấp tư sản vốn là một bộ phận dân cư trong các giai cấp bị áp bức, cũng phải gánh chịu ách thống trị của phong kiến chuyên chế. Đồng thời trong lòng xã hội phong kiến giai cấp tư sản lại là người đại diện cho một phương thức sản xuất mới ra đời và đang dần dần lớn mạnh.

Quan hệ sản xuất và phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa được xác lập và ngày càng phát triển mặc cho sự cản trở, hạn chế của quan hệ sản xuất phong kiến. Giai cấp tư sản dần dần trở thành giai cấp có địa vị độc lập về kinh tế, sớm trưởng thành về ý thức giải phóng, chống đối chế độ chuyên chế. Họ đứng lên phát ngôn cờ tự do, dân chủ bình đẳng để tập hợp quần chúng lao động đông đảo bị áp bức, bóc lột để lật đổ chế độ phong kiến và nền thống trị đã trở nên phản động nhằm xác lập quyền thống trị của mình. Khẩu hiệu lập hiến ra đời trong bối cảnh đó.

5.2. Nội dung của lập hiến tư sản

5.2.1. Chế định về tổ chức bộ máy nhà nước

Tiểu luận

Được thể hiện ở chỗ: yêu cầu xây dựng một bản hiến pháp là cơ sở pháp lý cơ bản hạn chế quyền hành vô hạn của vua bằng cách lập ra một cơ quan đại diện quyền lực (Nghị viện) gồm các đại biểu do cử tri trực tiếp bầu ra, cùng nhà vua thực hành quyền lực nhà nước và bảo đảm các quyền tự do dân chủ của công dân hoặc xoá bỏ chế độ quân chủ mà lập ra nền cộng hoà tư sản.

Dù ở chính thể nào thì hiến pháp cũng quy định của bốn loại cơ quan chủ yếu trong nhà nước là Nghị viện, chính phủ, toà án và người đứng đầu nhà nước (vua, tổng thống). Tuy ở từng nước, các hình thức nhà nước được tổ chức khác nhau theo hình thức quân chủ nghị viện, cộng hoà nghị viện hay cộng hoà tổng thống. Chẳng hạn như Nhật Bản là nhà nước quân chủ nghị viện Nhật Bản, nhà nước cộng hoà tổng thống Hợp chủng quốc Hoa Kỳ,...

Cùng với khẩu hiệu lập hiến, thuyết phân chia quyền lực mà điển hình là thuyết “ tam quyền phân lập” của Môngtexkiơ (Pháp, thế kỉ XVIII) đã được phổ biến rộng rãi nhằm thực hiện nguyên tắc đối trọng, kiểm chế và kiểm tra lẫn nhau giữa ba cơ quan khác nhau trong việc tổ chức thực hiện các quyền lực này, qua đó tạo nên sự cân bằng quyền lực, tránh làm quyền và nhờ đó các quyền của người dân mới được đảm bảo.

Khi đã giành được chính quyền trở thành giai cấp thống trị, giai cấp tư sản đương nhiên phải đứng ra gánh vác việc cai quản xã hội, điều hành công việc, thực thi quyền lực đối với toàn xã hội. Hiến pháp được dùng để thể chế hoá quyền thống trị của giai cấp tư sản dưới hình thức các quy định hiến pháp về tự do, dân chủ, bình đẳng và cơ chế tổ chức quyền lực nhà nước theo lối phân quyền.

Hiến pháp còn ghi nhận các quyền tự do, dân chủ mà trước hết là quyền tự do về kinh tế là phù hợp với quan hệ sản xuất tư sản chủ nghĩa. Trong quan hệ kinh doanh, hợp đồng cần phải có sự bình đẳng, ngang quyền về mặt lợi ích

Tiểu luận

và được đảm bảo sự bình đẳng trước pháp luật, tự do ý chí được thể hiện thành các quyền tự do dân chủ.

5.2.2. Chế định về quyền và nghĩa vụ của công dân

Phải nói rằng hiến pháp tư sản ra đời đã đem lại rất nhiều những quyền lợi cho dân chúng mà trước đây họ chưa từng được có.

Địa vị pháp lí của công dân trong pháp luật tư sản được xác định bằng các quyền tự do dân chủ rộng rãi gấp nhiều lần so với địa vị pháp lí của người nông dân dưới chế độ phong kiến. Trong quá khứ cũng như hiện tại, chế định này bao giờ cũng được coi là thành tựu lớn mà giai cấp tư sản đã mang lại cho nền văn minh của nhân loại.

Trong chế định về quyền và nghĩa vụ công dân: Hiến pháp nêu lên quyền cơ bản của công dân, quyền tư hữu, là quyền thiêng liêng và bất khả xâm phạm, quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp...

Hiến pháp Mỹ bổ sung thêm một số quyền của công dân: quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, thư tín, quyền khước từ việc công khai trước toà làm tổn hại cho họ.

5.2.3. Về chế độ bầu cử

So với chế độ quân chủ chuyên chế phong kiến, việc áp dụng phương pháp bầu cử để lập ra các cơ quan nhà nước của chế độ tư bản là một phương pháp dân chủ, là một bước tiến bộ lớn lao. Nó loại trừ quan niệm là quyền lực nhà nước xuất phát do trời định sẵn: vua là thiên tử, quan lại là con dòng cháu giống trong hoàng tộc, họ sinh ra để cai trị, buộc những người dân phải phục tùng và tuân theo. Tuy nhiên những yêu cầu trong chế định này quy định những cử tri phải là người có số tài sản lớn nhất định, có trình độ văn hoá nhất định, điều kiện về tuổi tác, ...

6. Các chế định trong dân luật